

Trần Thị Thanh Vân

LỊCH SỬ CHẾ ĐỘ THỰC DÂN ANH ở ẤN ĐỘ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Trần Thị Thanh Vân

LỊCH SỬ
CHẾ ĐỘ THỰC DÂN ANH
ở ẤN ĐỘ

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỊCH SỬ CHẾ ĐỘ THỰC DÂN ANH Ở ẤN ĐỘ



MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
LỜI GIỚI THIỆU	5
CHƯƠNG 1. NGƯỜI CHÂU ÂU ĐẾN ẤN ĐỘ VÀ CUỘC CHIẾN GIỮA CÁC ĐỐI THỦ	7
1. Ấn Độ trong bức tranh toàn cảnh đầu thời kì cận đại	7
2. Các công ti thương mại châu Âu xâm nhập vào Ấn Độ	12
3. Công ti Đông Ấn Anh và thắng lợi cuối cùng	16
3.1. Công ti Đông Ấn Anh ra đời	16
3.2. Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đối thủ châu Âu tại Ấn Độ	22
3.3. Nguyên nhân thắng lợi của người Anh ở Ấn Độ	28
CHƯƠNG 2. CÔNG TI ĐÔNG ẤN ANH VÀ QUÁ TRÌNH TẠO DỰNG THUỘC ĐỊA	34
1. Công ti Đông Ấn Anh thôn tính, bình định các tiểu vương quốc	34
2. Chính sách thiết lập hệ thống cai trị và khai thác thuộc địa của Công ti Đông Ấn Anh	42
2.1. Về chính trị	42
2.2. Về kinh tế	53
2.3. Về văn hoá, xã hội và giáo dục	65
3. Khởi nghĩa Sepoy và sự kết thúc vai trò lịch sử của Công ti Đông Ấn Anh ở Ấn Độ	75
CHƯƠNG 3. CHÍNH PHỦ ANH GIÀNH QUYỀN CAI TRỊ TRỰC TIẾP ẤN ĐỘ	80
1. Chủ nghĩa đế quốc Anh và tham vọng xây dựng Đế chế Anh – Ấn	80
2. Sự điều chỉnh chính sách của Chính phủ Anh đối với thuộc địa Ấn Độ vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	86
2.1. Về chính trị, xã hội	86
2.2. Về văn hoá, giáo dục	103
2.3. Về kinh tế	106



CHƯƠNG 4. CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC ANH: ĐỘC QUYỀN VÀ TAN RÃ	118
1. Ấn Độ trở thành “hậu phương” của chủ nghĩa đế quốc Anh trong hai cuộc Đại chiến thế giới	118
2. Chính quyền Anh đối phó với phong trào cách mạng thuộc địa	121
3. Những điều chỉnh chính sách của Anh ở Ấn Độ sau năm 1945	128
3.1. Sự nhượng bộ của Chính phủ Anh đối với thuộc địa	128
3.2. Âm mưu của Chính phủ Anh qua kế hoạch Mounbatten	132
4. Đế quốc Anh “ra đi” và “ở lại” sau năm 1947	136
4.1. Tư bản Anh chi phối và duy trì sự bóc lột nền kinh tế Ấn Độ	136
4.2. Chính phủ Anh tiếp tục can thiệp các vấn đề chính trị, xã hội và đối ngoại của Ấn Độ	137
CHƯƠNG 5: DI CHỨNG CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN	141
1. Hệ quả về kinh tế	141
1.1. Sự phá hoại trực tiếp	142
1.2. Những chuyển biến mang tính tích cực	146
2. Hệ quả về văn hoá, giáo dục	148
2.1. Những di sản có ý nghĩa tiến bộ	149
2.2. Những tác động tiêu cực	151
3. Hệ quả về chính trị, xã hội	154
3.1. Di sản của sự nghiệp thống nhất dân tộc, bộ máy nhà nước và phong trào dân tộc	154
3.2. Những di chứng lâu dài	157
KẾT LUẬN	162
TÀI LIỆU THAM KHẢO	180



Lời giới thiệu

Ấn Độ là một quốc gia rộng lớn, đông dân ở châu Á, có truyền thống lịch sử lâu đời và nền văn minh cổ xưa rực rỡ. Trải qua nhiều bước thăng trầm trong quá khứ, Ấn Độ ngày nay đang vươn tới vị trí của một cường quốc với nền kinh tế phát triển và vị thế quốc tế vững vàng, có ảnh hưởng đến tình hình khu vực và thế giới.

Quan hệ Việt Nam – Ấn Độ được hình thành từ thời xa xưa thông qua ảnh hưởng văn hoá, tôn giáo và hoạt động giao thương. Bước vào thời hiện đại, mối quan hệ giữa hai nước càng thêm gắn bó trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Do vậy, việc hiểu biết về Ấn Độ là một nhu cầu của nhân dân Việt Nam, đặc biệt trong giới nghiên cứu và những người hoạt động đối ngoại, giao tiếp thường xuyên với Ấn Độ.

Ở Việt Nam đã xuất bản một số công trình nghiên cứu về Ấn Độ, một số luận án tiến sĩ xoay quanh các đề tài về phong trào đấu tranh giành độc lập, về sự phát triển kinh tế – xã hội, và gần đây nhất về “chính sách hướng Đông” của Ấn Độ.

Cuốn sách của TS. Trần Thị Thanh Vân đi sâu vào một vấn đề còn ít được chú ý ở nước ta. Đó là Lịch sử chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ nhằm đáp ứng đòi hỏi hiểu biết về đất nước Ấn Độ từ khi người Anh xâm nhập, đặt ách thống trị thực dân đến khi thoát khỏi chế độ thuộc địa, trở thành một quốc gia độc lập, từ đầu thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XX.

Cuốn sách gồm 5 chương, chứa đựng ba nội dung chính. Chương 1 và 2 đề cập đến quá trình thôn tính và xây dựng hệ thống cai trị, khai thác thuộc địa của Công ti Đông Ấn Anh (EIC), một công ti thương mại thi hành chức năng của một thiết chế nhà nước, một công cụ xâm lược và thống trị. Chương 3 và 4 đề cập đến thời kì chính phủ Anh trực tiếp cai trị Ấn Độ với hệ thống hành chính, lực lượng quân sự cùng những chính sách kinh tế,



xã hội và đối sách của chế độ thực dân Anh trước cuộc vận động đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ. Cuối cùng, chương 5 với tiêu đề “Di chứng của chủ nghĩa thực dân” đánh giá những hệ quả của chủ nghĩa thực dân Anh trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá – giáo dục và chính trị – xã hội. Phần kết luận thể hiện quan điểm của tác giả trong nhận định tính hai mặt của chủ nghĩa thực dân Anh, nêu bật những nét riêng biệt trong sự so sánh với các chế độ thuộc địa khác.

Khai thác nhiều nguồn tài liệu phong phú, tham khảo nhận định của nhiều học giả nổi tiếng, vận dụng lí luận học thuyết Marx, tác phẩm Lịch sử chế độ thực dân Anh đã phác hoạ một bức tranh toàn cảnh về Ấn Độ trong suốt quá trình bị thực dân Anh thôn tính, cai trị và tiến tới chính sách phi thực dân hoá trước đòi hỏi độc lập của người Ấn. Với cách nhìn nhận khoa học, khách quan, không bị thiên lệch theo định kiến, tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về chủ nghĩa thực dân Anh ở Ấn Độ nói riêng, qua đó đi tới cái nhìn về chủ nghĩa thực dân nói chung.

Với nội dung phong phú trên, cuốn sách Lịch sử chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ là một công trình có hàm lượng khoa học giá trị, một tài liệu nghiên cứu cần thiết đối với sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh về Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Khoa học chính trị và nhiều chuyên ngành khác. Đây cũng là tài liệu tham khảo bổ ích đối với những nhà nghiên cứu quan tâm vấn đề này.

Thật là điều vinh hạnh được giới thiệu tác phẩm Lịch sử chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ của TS. Trần Thị Thanh Vân đến đông đảo bạn đọc.

Tháng 5 năm 2015

GS. NGND. Vũ Dương Ninh



CHƯƠNG 1

NGƯỜI CHÂU ÂU ĐẾN ẤN ĐỘ VÀ CUỘC CHIẾN GIỮA CÁC ĐỐI THỦ

1. Ấn Độ trong bức tranh toàn cảnh đầu thời kì cận đại

Thế giới bước vào thế kỉ XVI với nhiều biến đổi quan trọng và sự chuyển biến, xáo trộn này thể hiện thật sự rõ nét ở châu Âu. “Các cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ châu Âu đã đẩy kinh tế và quân sự vượt hơn các khu vực khác trong toàn cầu”¹. Trật tự phong kiến ở các quốc gia này đang bước vào giai đoạn tan rã, một lực lượng sản xuất mới ra đời và ngày càng phát triển. Thế kỉ XVI được xem là mốc mở đầu cho sự ra đời của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, như khẳng định của K. Marx: “Mặc dù ngay trong thế kỉ XIV và XV, những mầm mống đầu tiên của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có rải rác ở một số thành phố lẻ tẻ vùng Địa Trung Hải, nhưng thời đại tư bản chủ nghĩa chỉ bắt đầu từ thế kỉ XVI mà thôi”².

Theo đó, “cuộc trường chinh tới tư bản” đã trải qua nhiều thế kỉ và đến thế kỉ XVI, chủ nghĩa tư bản đã có đủ cơ sở để ra đời. “Thế kỉ XVI đã tạo ra và phát triển được những điều kiện cho sự phát triển sau này của chủ nghĩa tư bản: các tầng lớp tư bản ngân hàng và thương mại nắm trong tay cả những tài sản vô tận lẫn những mạng lưới ngân hàng và tài chính; các nhà nước nắm những phương tiện chinh phục và thống trị; một thế giới quan coi trọng của cải và sự làm giàu. Chỉ có theo nghĩa đó mới có thể coi kỉ nguyên của chủ nghĩa tư bản bắt đầu từ thế kỉ XVI”³. Chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đầu được gọi là chủ nghĩa tư bản thương nghiệp hay chủ nghĩa tư bản trọng thương. “Những tiền vốn, những hàng hoá dồi dào,

¹ Paul Kenedy (1992), *Hưng thịnh và suy vong của các cường quốc*, Nxb Thông tin lí luận, tr.43.

² Karl Marx (1975), *Quyển thứ nhất*, tập III, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.270.

³ Michel Beaud (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.54.



những tàu bè và vũ khí: đó là các phương tiện để phát triển thương mại, để khám phá và chinh phục”¹. Chủ nghĩa tư bản trọng thương đang thực hiện quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy hay còn gọi là “tích lũy ban đầu”. Thành tựu của công cuộc phát kiến địa lí mở đầu cho thời kì được gọi là “thời kì Colombus” hoặc “thời đại Vasco da Gama”. “Việc tìm thấy những vùng có mỏ vàng, mỏ bạc ở châu Mỹ..., việc bắt đầu đi chinh phục và cướp bóc miền Đông Ấn, việc biến châu Phi thành khu cấm để săn bắt, buôn bán người da đen... Đó là những yếu tố chủ yếu của sự tích lũy tư bản ban đầu”². Như vậy, bước vào đầu thời kì cận đại, cùng với sự hình thành của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân đã xuất hiện với những đặc trưng tiêu biểu của nó, như một xu thế phát triển của các quốc gia châu Âu.

Công cuộc thực dân hoá của người Anh và các quốc gia châu Âu khác ở Ấn Độ chịu sự tác động bởi những nhân tố từ chính Ấn Độ. Trong thực tế, đây thực sự là cơ sở quan trọng để thúc đẩy, chi phối và quyết định sự hình thành cũng như phát triển những chính sách thực dân.

Cơ sở thứ nhất, đó là “sức hút” từ Ấn Độ, một xứ sở hấp dẫn các thương gia và các chính trị gia châu Âu về nhiều mặt. Ấn Độ là một bán đảo hình tam giác lớn, một “tiểu lục địa” ở Nam Á. Đây là một đất nước đa dạng về điều kiện tự nhiên và cư dân, “được trời phú cho nhiều nhất về của cải, sức mạnh và vẻ đẹp tự nhiên – trên một số điểm có thể coi là thiên đường trên mặt đất”³. Về địa lí tự nhiên, Ấn Độ có “nóc nhà của thế giới” ở vùng núi phía Bắc, có vùng đồng bằng rộng lớn và màu mỡ hàng đầu thế giới, có cao nguyên Deccan với nguồn khoáng sản quý hiếm. Mỏm cực Nam, đỉnh của tam giác, chia ra Ấn Độ Dương, đại bộ phận miền Trung và Nam Ấn Độ cũng được bao bọc bởi Ấn Độ Dương. Với vị trí này, Ấn Độ đóng vai trò trung tâm trong kết cấu của thương mại châu Á. Đó là điểm kết nối, án ngữ tuyến đường biển từ châu Âu vượt châu Phi đến với châu Á; là tiểu lục địa nằm giữa, một bên là Tây Á và bên kia là Đông Nam Á cùng Đông Á. Hệ thống cảng ở Bengal có những thế mạnh về thương mại biển. Nhưng

¹ Michel Beaud (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, sdd, tr.42.

² Michel Beaud (2002), *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, sdd, tr.330.

³ J. Nehru (1996), *Phát hiện Ấn Độ*, tập 1, Nxb Văn hoá, Hà Nội, tr.137.



có lẽ quan trọng hơn cả là tiềm năng tạo ra thị trường rộng lớn của Ấn Độ với các loại hàng hoá có giá trị và khả năng cạnh tranh cao, đáng kể là các sản phẩm nông nghiệp như gạo, đường, dầu, các loại nguyên liệu thô như bông, thuốc nhuộm, các loại gia vị và hương liệu, cùng những sản vật hấp dẫn của núi rừng nhiệt đới... Đặc biệt, việc mở rộng thương mại thực sự của tiểu lục địa này nằm ở khả năng cung cấp một lượng hàng hoá khổng lồ đã được chế biến. Nhu cầu về của cải cũng như hàng hoá tự nhiên và truyền thống của người châu Âu có thể được đáp ứng hoàn toàn từ đây.

Hơn thế nữa, sự “hấp dẫn” của thị trường này còn phụ thuộc nhiều vào chính sách của các nhà cầm quyền. Thế kỉ XVI của vương triều ngoại tộc Mughal, “Ấn Độ bề ngoài cũng có vẻ trình bày quang cảnh không những của một triều đình tráng lệ mà cả một nền thương mại mậu dịch, chế tạo, nghề nghiệp phồn vinh”¹. Ông vua thứ 3 của triều đại Mughal là Akbar (1556 – 1605), một người cởi mở, tự tin và phóng khoáng, đã mở cửa giao thương với các thương gia phương Tây và các nhà buôn đến từ xứ sở A-rập, Ba Tư... Những cải cách về thuế khoá, tài chính, tiền tệ... được tiến hành một cách cương quyết đã đưa nền kinh tế Ấn Độ phát triển mạnh mẽ và đạt đến thời kì thịnh trị của chế độ phong kiến. Cũng vì vậy, bắt đầu từ thế kỉ XVI, thời điểm chủ nghĩa tư bản trọng thương châu Âu bắt đầu tham gia vào thương mại đường biển với châu Á, tiểu lục địa Ấn Độ được đánh giá như là “chìa khoá quan trọng trong cấu trúc thương mại Ấn Độ Dương”².

Cơ sở thứ hai chính là sự khủng hoảng của chế độ chính trị – xã hội ở Ấn Độ. Trước nguy cơ đe dọa của chủ nghĩa thực dân, sự khủng hoảng này tạo ra những cơ sở quan trọng để người Anh có thể xâm nhập và bành trướng. Vương triều phong kiến cuối cùng được lập nên ở Ấn Độ vào thế kỉ XVI, nhưng lại là vương triều phong kiến Hồi giáo ngoại tộc. Trong thời gian trị vì hơn 300 năm, vương triều Mughal đạt đến thời kì thịnh trị nhất của chế độ phong kiến tập quyền. Ấn Độ đã cường thịnh trong “vóc dáng” một đế quốc phong kiến – Đế chế Mughal (The Mughal Empire), đặc biệt

¹ J. Nehru (1996), *Phát hiện Ấn Độ*, tập 2, Nxb Văn hoá, Hà Nội, tr.71.

² Om Prakash (1998), *The New Cambridge history of India*, II.5, *European commercial enterprise in pre-colonial India*, Cambridge Universiti Press, p.13.



dưới triều đại của Akbar. Song, sự cường thịnh đó chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định. Ngay chính tại đỉnh cao của nền chuyên chính phong kiến cũng đã bộc lộ những yếu tố tiềm ẩn của sự suy vong. Ấn Độ dưới thời của Jahangir (1605 – 1627), vị quốc vương cùng thời với vua James I của nước Anh, được xem là một đế chế hùng mạnh, nhưng cũng là triều đại thịnh vượng cuối cùng. Bởi vì đến thời điểm này, “người Anh đã giành được đại lí đầu tiên trên bờ biển Ấn và đã cử được sứ thần Thomas Roe cư trú ở đó như là một vị đại sứ của vua Anh”¹. Trong khoảng một trăm năm, từ sự lên ngôi của Jahangir, Đế chế Mughal bị ảnh hưởng bởi sự “xác lập và trưởng thành” của người châu Âu ở Ấn Độ. Trước nguy cơ xâm nhập của các nước phương Tây, trong lòng Đế chế Mughal đã bộc lộ dần những mâu thuẫn, những khủng hoảng làm suy yếu thế lực của chính quyền trung ương. Đây là tiền đề căn bản để người Anh thực hiện những chính sách thực dân ở tiểu lục địa này.

Aurangzeb – vị vua cuối cùng của những người được gọi là Đại Mughal tìm cách xoay ngược tình hình nhưng không thành công. Là một tín đồ Hồi giáo nhiệt thành nhưng lại là một chính trị gia kém cỏi, Aurangzeb đã phá tan sự liên hợp giữa Hindu giáo và Hồi giáo. “Các vua Mughal chỉ hùng mạnh chừng nào họ đi theo tinh thần của dân tộc và tìm cách tạo ra một tính dân tộc chung và một sự tổng hợp các yếu tố khác nhau trong nước”². Chính đó là chất men kết dính tạo nên sức mạnh của dân tộc Ấn Độ, vượt lên trên những khác biệt về tôn giáo và tín ngưỡng. Nhưng cho đến lúc này, rạn nứt về sự thống nhất dân tộc, sự tàn quyền đã hiện lên rõ ràng trên khắp lãnh thổ rộng lớn của Đế chế Mughal. Các tiểu vương quốc thi nhau củng cố quyền lực cát cứ: người Sikh ở miền Bắc, các thủ lĩnh liên bang ở miền Trung. Đặc biệt, sự xuất hiện của người Marathas, tộc người Hindu từ miền đồi núi Western Ghats nằm ở phía Đông Bombay, là yếu tố lớn nhất làm suy yếu sức mạnh của Đế chế Mughal và là đối thủ của uy quyền Anh ở Ấn Độ.

1 P.E.Roberts (2004), *History of British India under the Company and the Crown*, Surjeet Publications, India, p.12.

2 J. Nehru (1996), *Phát hiện Ấn Độ*, tập 2, sđd, tr.74.



Trong một môi trường hỗn loạn như vậy, Anh cũng chỉ là một trong những thế lực đang rắp tâm chinh phục Ấn Độ. Hơn nữa, lịch sử Ấn Độ đã nhiều lần đối diện với sự xâm nhập của các thế lực ngoại bang. Khả năng thích ứng và tinh thần dân tộc dường như mâu thuẫn nhưng thực tế lại tồn tại trong người Ấn. Vương triều Mughal cùng một lúc phải giải quyết quá nhiều xung đột với các thế lực khác nhau. Mâu thuẫn dân tộc với lực lượng ngoại xâm bị lu mờ và trộn lẫn trong những mâu thuẫn nội bộ.

Sự rối loạn chính trị còn thể hiện trong nội tộc vương triều. Các vị hoàng đế Mughal với những tính cách và phẩm chất khác biệt đã trở thành nguyên nhân chủ quan đầu tiên đưa đến sự thịnh trị cũng như suy vong của vương triều Mughal. Cuối mỗi triều đại lại có những cuộc tranh giành ngôi báu, giết hại lẫn nhau, các vua sống buông thả và tàn bạo... Đây cũng chính là một trong những nhân tố làm suy giảm sức mạnh của dân tộc Ấn Độ.

Một nguyên nhân khác dẫn đến sự sụp đổ của vương triều Mughal là sự tồn tại dai dẳng của công xã nông thôn với chế độ đẳng cấp lạc hậu. Mặc dù các hoàng đế Mughal đã cố gắng đề ra nhiều chính sách để quản lý và cải biến nền kinh tế, xã hội nhưng Ấn Độ vẫn không tránh khỏi sự khủng hoảng. Tính chất đóng kín của công xã nông thôn đã kìm hãm sự phân công lao động. Chế độ ruộng đất phức tạp dựa trên sự phân chia đẳng cấp xã hội đã gây nên mâu thuẫn giai cấp, phá vỡ cơ sở xã hội của nền kinh tế. Triều đình Mughal lộng lẫy, xa hoa tồn tại trên sự nghèo khổ và bần hàn của dân chúng. Chính vì vậy, trong giai đoạn này, nhiều cuộc nổi dậy của nông dân Ấn Độ với quy mô lớn liên tiếp xảy ra.

Bên cạnh đó, dù các hoàng đế Mughal (trừ Shah và Aurangzeb) đã thực thi những chính sách tiến bộ về tôn giáo, nhưng sự phức tạp của vấn đề này đã cản trở các hoàng đế và cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn khó dung hoà trong lòng xã hội Ấn Độ. Mâu thuẫn giữa Hindu giáo và Hồi giáo không chỉ đơn thuần là xung đột giữa hai tôn giáo, giữa hai cộng đồng tín đồ. Trên thực tế, vấn đề này có nguyên nhân lịch sử sâu sắc. Hồi giáo là tôn giáo của kẻ xâm lược và thống trị (gắn với sự xâm lược và chinh phục Ấn Độ của hai vương triều ngoại tộc ở thế kỉ XIII và XVI). Người Ấn đã



từng bị “cưỡng bức” để tiếp nhận Hồi giáo dưới triều đại Hồi giáo Delhi, và nay đó là tôn giáo của giai cấp thống trị. Trong khi đó, Hindu là “quốc giáo”, là tín ngưỡng của đại đa số quần chúng đang bị “sỉ nhục” và “đe dọa” bởi những tín đồ Hồi giáo cuồng tín và ngạo mạn. Xung đột tôn giáo là một trong những nguyên nhân làm suy giảm sự bền vững và sức mạnh của Đế chế Mughal, đồng thời cũng là một cơ sở mà thực dân Anh đã lợi dụng, khoét sâu để hoạch định những chính sách xâm lược.

Có ý kiến cho rằng, một nền văn minh suy tàn là do thất bại bên trong nhiều hơn là do một cuộc tiến công từ bên ngoài. Sự suy tàn của nền văn minh Ấn Độ rõ ràng là do vương triều phong kiến đã không thể làm cho xã hội của mình thay đổi trước những biến động của thế giới. Tính chất năng động đang hiện rõ ở châu Âu lại hầu như thiếu vắng ở Ấn Độ. Hơn nữa, vương triều phong kiến trung ương đã không thể kiểm soát được những nhân tố phát triển nội tại của chính quốc gia mình. Tình hình chính trị, xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ là điều kiện đặc biệt thuận lợi cho sự xâm lược của các thế lực nước ngoài với tổ chức và sự tiến bộ hơn rất nhiều về kinh tế và quân sự.

2. Các công ti thương mại châu Âu xâm nhập vào Ấn Độ

Không giống như người Aryan và sau đó là những tín đồ Hồi giáo đã đến Ấn Độ, rồi định cư và “xem đó là nhà của mình”, người châu Âu xâm nhập vào Ấn Độ để bắt đầu cho những hành động xâm lược thực dân.

Từ “colony” nguyên nghĩa trong từ điển Anh ngữ được vay mượn từ tiếng Latin và được sử dụng ở thế kỉ XVI với nghĩa “farm” (trại, cho thuê nhân công), “settlement” (khu định cư), “landed” (chủ đất), “estate” (điền trang)... Về sau, từ này được chuyển hoá thành những cụm từ khác và được sử dụng trong suốt thế kỉ XVII như “colonized” (lập thuộc địa), “colonial” (thực dân), “colonist” (tên thực dân), “colonization” (sự thực dân hoá)... Những khái niệm này đã trở nên phổ biến khi xuất hiện các thuộc địa của người châu Âu ở châu Á và trên phạm vi toàn thế giới. “Ở thời đại Anh, chủ nghĩa thực dân là biểu hiện thực tế của việc có hoặc giữ những vùng đất trong phạm vi quốc gia khác và bằng sự hiểu ngầm là chinh phục và



kiểm soát đất đai và sự giàu có của người khác”¹. Trong khuôn khổ chính trị, chủ nghĩa thực dân được hiểu là một đất nước hùng mạnh, kiểm soát những quốc gia kém cỏi hơn và sử dụng tài nguyên của họ để thỏa mãn niềm đam mê giàu có và quyền lực. Với ý nghĩa đó, người châu Âu ở Ấn Độ là những kẻ xâm lược chứ không phải những người định cư. Đó là cả một quá trình xâm nhập, loại bỏ, chinh phục của tất cả các đại biểu “ưu tú” đến từ phương Tây, và chiến thắng cuối cùng thuộc về Anh.

Ở thời cổ đại, Alexander và người kế vị là Seleucus Nikator từ đế quốc Hi Lạp đã xâm lược Ấn Độ vào khoảng 300 năm TCN nhưng cuối cùng bị thất bại. Cho đến cuối thế kỉ XV (ngoại trừ chuyến đi của Marco Polo từ năm 1294 đến năm 1295 từ Trung Quốc đến Ấn Độ, qua con đường tơ lụa), Ấn Độ hầu như không có sự “thăm viếng” trở lại của người châu Âu. Thế nhưng, những sản vật nhiệt đới và sản phẩm thủ công tinh xảo của Ấn Độ và các vùng đất phương Đông khác đã được biết đến từ rất lâu ở các chợ phương Tây. Thời cổ đại, Alexandria và Constantinople là những trung tâm buôn bán thịnh vượng, nhưng đến thời trung đại, hai trung tâm này đã được thay thế bằng Venice và Genoa. Có thể nói, “cơn sốt hương liệu”, “thương mại hương liệu” đã làm nên sự hưng thịnh của những thành phố châu Âu này.

Đến thế kỉ XV, cuộc chinh phục của người Thổ ở Tây – Nam Á và Đông Nam châu Âu đã đóng lại con đường giao thương cũ. Đế quốc Ottoman kiểm soát khu vực Trung Đông, chiếm Constantinople vào năm 1453, cắt đứt tuyến đường bộ cổ xưa từ châu Âu đến với Ấn Độ. Những cuộc đảo lộn về chính trị ở khu vực này đe dọa tới việc mua bán của các thương gia Âu – Á. Hơn nữa, các thương gia Venice và Genoa luôn độc quyền trong thương mại Âu – Á và từ chối sự chia sẻ với các quốc gia mới của Tây Âu, đặc biệt với Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Trước tình hình ấy, công cuộc phát kiến địa lí đã bùng nổ với mục đích tìm ra con đường biển đến được với Ấn Độ, với quần đảo Spice của Indonesia và sau đó được gọi là các quốc gia Đông Ấn cổ xưa và giàu có. Trong tầm nhìn của những nhà thám hiểm,

¹ N. Krishnaswamy and Lalitha Krishnaswamy (2006), The story of English in India, Published by Foundation Books Pvt.Ltd, New Delhi, p.7.



của những thương gia và của cả các vị hoàng đế phương Tây, Ấn Độ hiện ra như một miền đất lí tưởng. Đó là toàn bộ phương Đông mà bấy lâu người ta mong ước.

Những kiến thức địa lí đầy đủ và những thành tựu hàng hải quan trọng đã khẳng định và cho phép người châu Âu có thể đi đến Ấn Độ bằng cách dong thuyền vòng qua châu Phi và có thể đi theo hướng tây vì quả đất tròn. Người Bồ Đào Nha cố gắng tìm con đường vòng qua châu Phi, còn Christopher Columbus tìm đường đến với Ấn Độ từ hướng tây và cuối cùng tìm ra châu Mỹ vào năm 1492. Có thể nói, Ấn Độ đã trở thành lí do đặc biệt để tìm ra một Tân Thế giới cho người châu Âu. Đến tháng 5 năm 1498, Vasco da Gama vòng quanh mũi Cape, vượt Ấn Độ Dương và cập bờ biển Calicut của Ấn Độ. Người châu Âu, ở một chừng mực nào đó đã được đền đáp cho những nỗ lực và hi sinh của mình trong cuộc tìm kiếm “miền đất hứa” ở bên kia quả địa cầu. Kết quả này đã mở đầu cho việc thiết lập nền thương mại với Ấn Độ của các quốc gia hàng hải Tây, Bắc Âu như Bồ Đào Nha, Pháp, Hà Lan và Anh.

Bồ Đào Nha là nước đầu tiên đến với Ấn Độ. Họ đã xây dựng được các khu định cư của mình ở dọc bờ biển phía Tây Ấn Độ. Trong suốt nửa đầu thế kỉ XVI, Bồ Đào Nha theo đuổi sự độc quyền trong nền thương mại phương Đông bằng sự cổ vũ của những sắc lệnh từ Giáo hoàng. Các sắc lệnh này được công bố khắp các nước theo đạo Cơ đốc ở châu Âu như là một quy ước cao nhất của luật pháp quốc tế. Trong khoảng hơn nửa thế kỉ, những dân tộc theo đạo Tin lành ở châu Âu không thể đủ mạnh để phản kháng lại. Thương gia Anh và Hà Lan hầu như bị đánh bật ra khỏi tuyến đường buôn tới Ấn Độ bằng đường biển theo hướng Đông Nam và Tây Nam.

Tuy nhiên, cho đến cuối thế kỉ XVI, một lí do chính trị đã làm cho người Anh và Hà Lan không thể phục tùng những sắc lệnh của Giáo hoàng thêm nữa. Năm 1580, Tây Ban Nha chiếm được quyền lực của vua Bồ Đào Nha, mở ra một giai đoạn rất quan trọng ở Ấn Độ. Người Anh từng thiết lập mối quan hệ với Bồ Đào Nha từ năm 1386 bằng Hiệp ước Westminster. Người Hà Lan, sau cách mạng cũng đã nổi được thương mại tự do với Bồ



Đào Nha. Theo đó, hàng hoá của các chợ phương Đông được trao đổi, chuyển tới Antwerp và được phân phối ra các cảng ở Bắc Âu. Tuy nhiên, sau năm 1580, vua Philip II ra lệnh đóng cửa cảng Lisbon, ngăn cản người Anh và Hà Lan buôn bán ở đây. Nữ hoàng Anh Elizabeth bị kích động bởi dân chúng, các thương gia và thậm chí cả cướp biển, đã gây chiến tranh với Tây Ban Nha. Cả Anh và Hà Lan đều nhận thấy cần phải phản đối và thách thức quyền lực của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ Dương. Ở thời điểm đó, Tây Ban Nha cũng bị chìm sâu bởi suy thoái. Chính vì vậy, trong những thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XVI, các tàu Hà Lan, Pháp và Anh đã mạo hiểm vượt Đại Tây Dương, sau đó tiến vào Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, bắt đầu quá trình tranh chấp về thương mại và thuộc địa. Ưu thế về quân sự và hàng hải là những điều kiện vô cùng quan trọng giúp các nước châu Âu kiểm soát được những tuyến đường buôn bán trên đại dương và “làm khiếp sợ những xã hội dễ bị lực lượng ngoài biển tấn công”¹.

Sang thế kỉ XVII, các Công ti Đông Ấn của các quốc gia này đua nhau thành lập. Ngay sau sự ra đời (năm 1600) của Công ti Đông Ấn Anh (Company of Merchants of London trading into the East Indies), các công ti thương mại của các tập đoàn thương gia khác lần lượt xuất hiện và tất cả đều có tên là Công ti Đông Ấn. Công ti Đông Ấn Hà Lan (Verenigde Oost-Indische Compagnie) được thành lập năm 1602, Công ti Đông Ấn Đan Mạch (The Dansk Ostindiske Kompagni) được vua Christian IV ban đặc quyền thương mại năm 1616, Công ti Đông Ấn Genoese (Compagnia Genoese delle Indie Orientali) của Ý ra đời năm 1647, Công ti Đông Ấn Pháp (French Compagnie des Indes Orientales) được Jean – Baptiste Colbert thành lập năm 1664. Thế kỉ XVIII cũng chứng kiến sự thành lập các công ti Đông Ấn của nhiều nước châu Âu khác. Công ti Đông Ấn Ostend (thuộc Đế quốc Áo, sau này thành phố Ostend thuộc Bỉ) được hoàng đế Charles VI ở Vienna ban đặc quyền thương mại vào năm 1722, Công ti Đông Ấn Thụy Điển (Swedish East India Company) ra đời năm 1731, Công ti châu Á Đan Mạch (Danish Asiatic Company) được thành lập năm 1732... Mục đích của các công ti này là tiến hành buôn bán ở thị

¹ Paul Kenedy (1992), *Hung thịnh và suy vong của các cường quốc*, sđd, tr.39.



trường rộng lớn thuộc phía Đông Ấn Độ, kiểm soát thương mại ở vùng Ấn Độ Dương. Đại diện cho các nhà nước, những công ti độc quyền này là đòn bẩy mạnh mẽ để “tích tụ tư bản”, đáp ứng sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hoá bùng nổ ở châu Âu từ cuối thời trung đại. Ấn Độ trở thành mục tiêu chinh phục của các quốc gia phương Tây đang bước dần vào quỹ đạo phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhưng lúc này không phải Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha hay Áo mà chính là Hà Lan, Anh, Pháp đã theo đuổi cuộc “trường chinh” thực dân tới Ấn Độ và nuôi tham vọng trong cuộc chạy đua bành trướng đế chế.

3. Công ti Đông Ấn Anh và thắng lợi cuối cùng

3.1. Công ti Đông Ấn Anh ra đời

Theo K. Marx, thời đại tư bản chủ nghĩa được bắt đầu với những “đảo lộn làm đòn bẩy cho giai cấp tư bản đang hình thành”¹. Sự đảo lộn xuất hiện ở Anh sớm hơn hết, khi cuộc cách mạng diễn ra trong lĩnh vực nông nghiệp vào khoảng 30 năm cuối thế kỉ XV và kéo dài trong suốt cả thế kỉ XVI, dẫn tới sự ra đời của giai cấp “phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa” – như cách gọi của K. Marx chỉ tư bản nông nghiệp. Cách mạng trong nông nghiệp đã tạo tiền đề cho sự hình thành nền đại công nghiệp ở Anh. Nhưng trước khi xuất hiện tư bản công nghiệp thì trong thời trung cổ, có hai lực lượng “vẫn được coi là tư bản: đó là tư bản cho vay nặng lãi và tư bản thương nhân”². Đây là những tầng lớp tư bản trọng thương đầu tiên của chủ nghĩa tư bản Anh thực hiện quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy. Như vậy, bắt nhịp với xu thế phát triển của thời đại, chủ nghĩa tư bản Anh đã hình thành với những đặc trưng tiêu biểu của nó.

Người Anh khởi đầu một cách muộn màng việc khai thác tuyến đường biển từ mũi Cape tới Ấn Độ Dương và các vùng xa hơn không phải là do thiếu quan tâm. Các chuyến đi của John Cabot từ Bristol dưới triều đại của vua Herry VII (1485 – 1509) nhằm vào thị trường hương liệu và tơ tằm lớn ở châu Á. Đến năm 1579, cuộc hành trình tới Moluccas của Francis Drake

¹ Karl Marx (1975), *Quyển thứ nhất*, tập III, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.270-271.

² Karl Marx (1975), *Quyển thứ nhất*, tập III, Sdd, tr.329.



được chú ý. Nó tiên đoán những gì tới sẽ tới. Người Anh đã bộc lộ sự thèm khát phiêu lưu mạo hiểm, giương buồm về phía Nam và phía Đông. Nữ hoàng Anh tuyên bố với Đại sứ của Tây Ban Nha rằng: “Đại dương sẽ là của chung, ở mặt này hay mặt khác không chấp nhận sự sở hữu của riêng ai”¹. Như một lời thách đấu, từ cuối thế kỉ XVI, người Anh đã nỗ lực để phá vỡ sự độc quyền của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ Dương, phá vỡ những quy định phi lí mà Giáo hoàng đã tuyên bố.

Người Anh đầu tiên đặt chân đến Ấn Độ là Thomas Stephens. Vì mục đích tôn giáo, ngày 4/4/1579, T. Stephens xuất phát từ cảng Lisbon và đặt chân đến Goa ở Nam Ấn. Những bức thư ông gửi về Anh cho cha mình là sự khích lệ mạnh mẽ nhất với các thương gia London trong việc khởi động sự nghiệp buôn bán với Ấn Độ. Năm 1583, hai thương gia Anh là Fitch và Newbery, được hộ tống bởi Leedes (thợ kim hoàn) và Story (một thợ sơn) cũng đến Ấn Độ. Chuyến đi này đã thôi thúc người Anh khám phá phương Đông theo con đường vòng qua mũi Hảo Vọng.

Trong thập niên 90 của thế kỉ XVI, nhân loại tiếp tục chứng kiến những nỗ lực của thương gia Anh. Năm 1591, tàu của James Lancaster đã đến mũi Comorin ở Nam Ấn và bán đảo Malay. Sau đó, vào năm 1596, một đội tàu gồm 3 tàu chiến dưới sự chỉ huy của R. Dudley được phái đi thám hiểm vùng biển phía Đông nhưng không quay lại. Đến năm 1599, John Midnall, một thương gia ưa mạo hiểm đã được Nữ hoàng Elizabeth cấp hộ chiếu và đến Ấn Độ bằng đường bộ. Ông ở lại Ấn Độ 7 năm và nhận được một số đặc ân từ hoàng đế Mughal. Những chuyến phiêu lưu trên đã đặt những dấu ấn quan trọng để người Anh có thể hoàn thành sự nghiệp của mình ở khu vực Ấn Độ Dương.

Cho đến cuối thế kỉ XVI, kiến thức địa lí của người Anh tiến bộ rất nhanh. Năm 1598, cuốn sách *Itinerario* bằng tiếng Anh của Linschoten, một nhà hàng hải Hà Lan sống ở Goa từ năm 1583 đến năm 1589, cung cấp những thông tin tốt nhất về vấn đề buôn bán và hàng hải ở Ấn Độ Dương, đã nhận được sự quan tâm lớn từ London. Những chuyến thám hiểm

¹ P.E.Roberts (2004), *History of British India under the Company and the Crown*, sdd, p.21.



Ấn Độ thành công của một số cá nhân người Anh cũng giúp các thương gia nhận thức được rằng con đường thực tế duy nhất để đến với Ấn Độ là vòng qua mũi Hảo Vọng. Nỗi lo sợ người Hà Lan sẽ thống trị thị trường gia vị ở Tây Bắc Âu đã thôi thúc một nhóm thương gia ở London đệ đơn lên Nữ hoàng Anh, xin được quyền kiểm soát thương mại ở Đông Ấn. Đề nghị đó được chấp thuận và ngày 31/12/1600, Công ti Đông Ấn Anh có tên là Công ti thương mại Đông Ấn London (Company of Merchants of London trading into the East Indies) được thành lập. Sự ra đời của Công ti Đông Ấn Anh có thể được xem như lời tuyên bố nhập cuộc vào thị trường Ấn Độ của thương gia Anh với các đối thủ châu Âu. Rõ ràng, mục đích ban đầu của Công ti Đông Ấn Anh cũng không nằm ngoài mục đích chung của các Công ti Đông Ấn khác. Nghĩa là, Công ti Đông Ấn Anh được thành lập và xâm nhập vào Ấn Độ trước hết hoàn toàn vì mục đích kinh tế. Đó là “mục đích điển hình của các công ti độc quyền thuộc phái trọng thương, kiếm lời bằng cách đảm bảo cho mình độc quyền buôn bán hàng hoá và sản phẩm của một nước hải ngoại”¹. Tất cả đều được “quyết định hoàn toàn bởi những thương gia trọng thương và khao khát kiếm lời từ nguồn vốn bỏ ra của họ”².

Trong khoảng một thế kỷ rưỡi sau khi ra đời, Công ti Đông Ấn Anh hoàn thiện về mặt tổ chức, có những chính sách quan trọng về kinh tế và chính trị để phát triển kinh doanh cũng như tăng cường thế lực của mình ở Ấn Độ. Công ti ra đời theo chủ nghĩa tư bản trọng thương và thực sự là “đòn bẩy” để “tích tụ tư bản” nhưng đó là sự tích lũy bằng bạo lực, biểu hiện thực tế của chủ nghĩa thực dân. Hoạt động của Công ti Đông Ấn Anh từ năm 1600 đến năm 1757 thể hiện rõ quá trình bành trướng của thế lực thực dân: từ việc thiết lập các đại lý đến dần dần chiếm đất; từ việc buôn bán kiếm lời, cướp đoạt gián tiếp đến cướp đoạt, bóc lột trực tiếp; và kết quả cuối cùng là thiết lập một chế độ cai trị thực dân ở thuộc địa.

¹ R.P.Dutt (1960), *Ấn Độ hôm nay và ngày mai*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.30.

² P.E.Roberts (2004), *History of British India under the Company and the Crown*, sdd, p.24.